TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 13 - 02 - 2018.
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Văn Rạng.
2. Ông Đàm Văn Kiều.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 13/02/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX - ST ngày 12/01/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST – HNGĐ ngày 30/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tạ Thị T – Sinh năm: 1993;
Nơi ĐKHKTT: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D - Sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Xóm 14, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 20/11/2017 cũng như lời khai của nguyên đơn chị Tạ Thị T tại phiên tòa thể hiện: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào tháng 11/2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là anh D ham chơi, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mặc dù đã được gia đình động viên khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, do vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2013. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung chị Tạ Thị T trình bày: Giữa chị và anh D có một con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 22/10/2012, hiện cháu M đang do anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng để cho anh D nuôi cháu M, chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh D mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được.

Về tài sản chung của vợ chồng chị T trình bày: Vợ chồng chị không có tài sản chung, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị T đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn D không có mặt. Lời khai của bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn D) tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện; Trong thời gian vừa qua gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh D, do anh D không có mặt để nhận trực tiếp nên gia đình đã nhận thay và đã thông báo cho anh D đầy đủ. Nhưng do anh D phải đi làm không thể có mặt tại Tòa án để làm việc được anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và anh có nhờ gia đình trình bày ý kiến với Tòa án cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung anh xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 22/10/2012, hiện cháu Minh đang do anh D nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn theo yêu cầu của chị T thì anh D có nguyện vọng nuôi cháu M và việc cấp dưỡng nuôi con thì tùy vào chị T.

Về tài sản chung anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị T có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn D, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử ly hôn giữa chị Tạ Thị T và anh Nguyền Văn D.

- Về con chung: Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn D có một con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 22/10/2012 chị T có nguyện vọng để anh D trực tiếp nuôi cháu M, chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh D mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được, anh D không có ý kiến gì. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh D mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được.

- Về tài sản chung: Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn D đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn D đều cư trú tại huyện N. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh D và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn D vào tháng 11 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D ham chơi, không quan tâm đến vợ con. Mặc dù chị T và gia đình động viên, khuyên giải nhưng anh D vẫn không thay đổi vợ chồng ly thân nhau từ tháng 4/2013. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị T có đơn xin ly hôn anh D, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn D đều thống nhất xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 22/10/2012, hiện cháu M đang do anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng để cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh D mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con trưởng thành tự lập được, anh D không có ý kiến gì. Xét nguyện vọng của chị T và anh D thấy kể từ khi vợ chồng ly thân con chung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng vì vậy giao con chung cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh D là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của pháp luật được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn D đều thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Tạ Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[1] - Xử ly hôn giữa chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn D.

[2] - Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Đức M, sinh ngày 22/10/2012 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh D mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con trưởng thành lao động tự lập được. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

[3] – Về án phí: Chị Tạ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số chị T phải nộp là 600.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BB/2012/06166 ngày 27/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, chị T còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh D. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương